TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **295/**2023/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2023
"Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa Chị Lương Thị L và anh Nguyễn Văn Th "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Cao Tiến
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Vân Anh
2. Ông Hoàng Văn Thiết

- *Thư ký phiên toà:* Bà Dương Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa hồ sơ vụ án thụ lý số 161/2023/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 44/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị L, sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn L2, xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn L2, xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; anh Th vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn, chị Lương Thị L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Nguyễn Văn Th có quan hệ hôn nhân hợp pháp, cả hai được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại Uỷ ban nhân dân xã Th, huyện H ngày 08 tháng 5 năm 2009. Vợ chồng chung sống mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dù đã cố gắng nhiều lần nhưng không hoà giải được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến nay vợ chồng mỗi người sống một nơi, anh Th đi Hà Nội làm ăn, thỉnh thoảng mới về, vợ chồng không còn quan tâm gì đến

nhau nữa. Chị xác định vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, không thể quay về chung sống, tình cảm vợ chồng không còn. Nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Chị Lương Thị L xác định chị và anh Nguyễn Văn Th có 02 con chung, cháu Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2010; cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2014; hiện cả hai con chung đều do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, vay nợ chung: Chị Lương Thị L xác định vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của anh Nguyễn Văn Th thể hiện tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/9/2023: Anh xác định anh và chị Lương Thị L có quan hệ hôn nhân hợp pháp, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện H vào năm 2009, vợ chồng ở riêng tại thôn L2 xã Th, huyện H, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng vài năm gần đây làm ăn kinh tế khó khăn nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về chuyện kinh tế, tiền bạc, tuy nhiên anh xác định chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên anh không nhất trí ly hôn; Về con chung: Anh xác định anh và chị L có hai người con chung là Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 19/6/2010 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 17/4/2014. Trường hợp buộc phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, tuy nhiên nếu các con có nguyện vọng ở với bố hay ở với mẹ thì anh cũng đều nhất trí theo nguyện vọng của các con vì các con đều trên 7 tuổi, trường hợp cả hai con đều muốn ở với mẹ thì anh cũng nhất trí để chị L được trực tiếp nuôi dưỡng các con; Về tài sản chung: Anh xác định do anh không nhất trí ly hôn nên anh không có ý kiến gì; Về nợ chung: Anh xác định anh và chị L không có nợ chung.

Về nơi cư trú hiện nay của anh, anh xác định anh có đăng ký thường trú tại thôn L2 xã T, huyện H, tuy nhiên anh đi làm ở thành phố Hà Nội, thi thoảng mới về nhà, về vài hôm lại đi ngay, các con chung đều do chị L nuôi dưỡng, chăm sóc; việc Tòa án thông báo, triệu tập anh đến Tòa án làm việc anh đều đã được thông báo, đã nhận được, do anh không nhất trí ly hôn nên không đến Tòa án để làm việc, chị L làm đơn thì chị L tự giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án nhân dân huyện H đã gửi văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Văn Th không đến Toà án để làm việc. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định. Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tiến hành xác minh tại thôn L2, xã Th, huyện H. Kết quả xác minh thể hiện, chị L và anh Th hiện nay có cư trú tại thôn L2, xã Th, anh Th hiện đi làm ăn tại thành phố Hà Nội, thỉnh thoảng có về nhà. Chị L và anh Th có quan hệ hôn nhân hợp pháp, kết hôn từ năm 2009; vợ chồng chị L và anh Th có mâu

thuẫn nhưng cụ thể thôn không nắm được; về con chung của chị L và anh Th đúng như các đương sự đã trình bày; chị L và anh Th có nhà đất chung tại thôn L2, xã Th, vay nợ của vợ chồng không thấy có thông tin gì.

Cháu Nguyễn Thị Ngọc L1 và cháu Nguyễn Văn D đều trình bày ý kiến, nếu bố mẹ không chung sống với nhau cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th; về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2010 và cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2014 cho chị Lương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các nội dung về tài sản chung, vay nợ chung ý kiến trình bày của các đương sự không đề nghị giải quyết về tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết; chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Th không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến của chị Lương Thị L, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 08 tháng 5 năm 2009. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng. Anh Th đi làm ăn ở thành phố Hà Nội thỉnh thoảng có về nhà thăm con; vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Th không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

[2] Về con chung: Chị L và anh Th cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung, cháu Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2010; cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2014, các con chung của chị L và anh Th hiện nay đều đang ở cùng chị L, do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu được học hành đầy đủ và đều có nguyện vọng được ở với chị L; anh Th hiện nay đi làm ăn xa, không đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị L, giao cháu L1 và cháu D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L chưa yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Lương Thị L xác định vợ chồng tự thoả thuận về tài sản, đất đai chung không đề nghị Toà án giải quyết; vợ chồng không có vay nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Th không nhất trí ly hôn nên không đề cập đến tài sản và xác định không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn Th vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của chị L và anh Th, cũng như đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Kết quả xác minh đã thể hiện anh Th có nơi cư trú tại thôn L2, xã Th, huyện H. Các thủ tục tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên đương sự vắng mặt.

Tại phiên toà chị Lương Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, việc đề nghị được vắng mặt tại phiên toà của chị L không trái với các quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh Nguyễn Văn Th không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42 do Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 08 tháng 5 năm 2009 cho chị Lương Thị L và anh Nguyễn Văn Th không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2010 và cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2014 cho chị Lương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L chưa yêu cầu; anh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lương Thị L phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0006640 ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Nguyễn Văn Th không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã Th (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Cao Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Trần Thị Vân Anh - Hoàng Văn Thiết	**Hoàng Cao Tiến**